TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NL** **TỈNH TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/01/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành.

Ông Quách Văn Toản.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Trọng Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh TH tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/12/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 94/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc A, sinh năm 1994. Địa chỉ: Làng R, xã NA, huyện NL, tỉnh TH. Nơi ở hiện nay: Làng NB, xã PT, huyện NL, TH. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Hữu T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Làng R, xã NA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Ngọc A trình bày: Chị và anh Lê Hữu T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 28/11/2019 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã NA, huyện NL, tỉnh TH. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 7/2022 chị đã về nhà bố, mẹ đẻ ở làng NB, xã PT, huyện NL sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Hữu T theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Lê Hữu T có 01 con chung là Lê Tuấn T, sinh ngày 18/12/2020. Kể từ khi vợ chồng sống lý thân, cháu T do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu T cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị cấp dưỡng nuôi con chung là 1.800.000đ/tháng (Một triệu tám trăm nghìn đồng), cho đến khi con thành niên.

Về tài sản: Chị A không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh Lê Hữu T có mặt theo địa chỉ ghi trong đơn khởi kiện, khi Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T thì không gặp được anh T, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho ông Lê Đức T là bố đẻ của anh T, ông T trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A, anh T gia đình ông đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, chị A đã về nhà bố, mẹ đẻ ở làng NB, xã PT, huyện NL, TH sinh sống. Chị A, anh T có 01 con chung là cháu Lê Tuấn T, sinh ngày 18/12/2020. Kể từ khi vợ chồng sống lý thân, cháu T do anh T và gia đình ông chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông là người nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã thông báo nội dung văn bản liên quan đến việc chị A khởi kiện ly hôn cho anh T biết, nhưng do anh T phải đi làm ăn xa nên không thể về để giải quyết việc ly hôn với chị A được. Anh T có nhờ ông T trao đổi lại với Tòa án là anh đồng ý với yêu cầu ly hôn, việc giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, cũng như việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng theo nội dung khởi kiện của chị A.

Tòa án xét thấy việc anh Lê Hữu T vắng mặt thuộc trường hợp bị đơn từ chối khai báo, nên tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật, anh T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 482 BLTTDS: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Phạm Thị Ngọc A được ly hôn anh Lê Hữu T. Giao Lê Tuấn T, sinh ngày 18/02/2020 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Buộc chị A cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng là 1.800.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2025 cho đến khi cháu T thành niên và buộc chị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị A khởi kiện anh T, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện NL, theo quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 BLTTDS. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng anh T vắng mặt, chị A có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt phiên tòa lần thứ hai, Tòa án giải quyết, xét xử theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc A và anh Lê Hữu T kết hôn trên cơ sở

tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/11/2019 tại UBND xã NA, huyện NL, tỉnh TH, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Về phía anh T, biết chị A làm đơn xin ly hôn và Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh T lên làm việc để anh T được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh T đều không có mặt, thể hiện anh T không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị A, anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị A được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị A và anh T có một con chung là Lê Tuấn T, sinh ngày 18/12/2020. Xét thấy, hiện tại cháu T đang do anh T và ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu T và theo nguyện vọng của chị A, anh T giao giao con chung cho anh T trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy mức cấp dưỡng của chị A đề nghị là phù hợp và anh T cũng đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con chung của chị A. Buộc chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.800.000đ/tháng/con. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 02/2025 cho đến khi con chung thành niên

[4] Về tài sản: Chị A không yêu cầu nên không xem xét.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Ngọc A được ly hôn anh Lê Hữu T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Tuấn T, sinh ngày 18/12/2020 cho anh Lê Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi con chung thành niên. Chị A cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 1.800.000đ/tháng *(Một triệu tám trăm nghìn đồng)*. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 02/2025 cho đến khi con chung thành niên.

Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở ngăn cấm.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền chị

đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL, theo biên lai số 0004403 ngày 15/10/2024. Chị A còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm. Chị A, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyệnNgọc Lặc;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện NL;
- UBND xã Minh Tiến, huyện NL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Vinh